

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 491/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25-12-2020
V/v tranh chấp “ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Mút

2. Ông Phạm Văn Vũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên tòa:

Ông Phan Văn Y - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 421/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *N đơn:* Chị Lê Thị Thu T, sinh năm 1996, Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: 241/4 ấp GH, xã AD, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1996, Vắng mặt.

Địa chỉ: 93/5 ấp HB, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và trong quá trình tố tụng N đơn Lê Thị Thu T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn tự nguyện vào năm 2017, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/6/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống chung với gia đình anh C. Sau đó do vợ chồng cự cãi nên chị xin phép gia đình được đi thành phố Hồ Chí Minh làm việc. Từ tháng 4/2019 chị và anh C đã không còn sống chung. Khi chị và anh C có mâu thuẫn gia đình chị và gia đình anh C đều biết, gia đình hai bên có hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Chị gửi đơn khởi kiện ly hôn anh C có biết nhưng không có ý kiến gì, anh C xác định tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nhưng không muốn tới tòa. Do hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm

vợ chồng không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh C. Khi ly hôn chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho chị.

Về nuôi con chung: chị và anh C có con chung là Nguyễn Trọng N, sinh ngày 24/4/2017, cháu N từ nhỏ sống chung với gia đình anh C được chăm sóc tốt. Khi ly hôn chị đồng ý giao con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản: chị và anh C không có tài sản chung, nợ chung nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Văn C đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cùng các tài liệu, chứng cứ do N đơn cung cấp; các tài liệu, chứng cứ do tòa án thu thập nhưng không có văn bản ý kiến gửi Tòa án, anh C không có yêu cầu phản tố.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

N đơn Lê Thị Thu T thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Nguyễn Văn C chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị T và anh C kết hôn tự nguyện, có đăng lý kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của chị T và anh C là hôn nhân hợp pháp. Chị T có yêu cầu ly hôn do chị T và anh C sống chung có mâu thuẫn, cả hai đã sống ly thân từ tháng 4/2019 và xác định hôn nhân không còn khả năng hàn gắn. Qua xác minh tình trạng hôn nhân của chị T và anh C thì hôn nhân của chị T và anh C có mâu thuẫn dù đã được gia đình hòa giải nhưng không hàn gắn được tình cảm vợ chồng nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T ly hôn với anh C. Do chị T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, anh C không có ý kiến nên không xem xét.

Về nuôi con chung: chị T và anh C có con chung là Nguyễn Trọng N, sinh ngày 24/4/2017 đang sống chung với anh C và gia đình anh C được chăm sóc tốt; chị T đồng ý giao con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng nên giao con chung cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T không cấp dưỡng nuôi con chung do anh C không yêu cầu.

Về chia tài sản: Chị T trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, anh C không có ý kiến nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: theo đơn khởi kiện của N đơn Lê Thị Thu T thì đây là tranh chấp “ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn Nguyễn Văn C có nơi cư trú tại 93/5 ấp HB, xã MA, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

[3] *Về tố tụng:* N đơn Lê Thị Thu T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Nguyễn Văn C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn C theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về hôn nhân:* chị T và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/6/2017 nên hôn nhân của chị T và anh C là hôn nhân hợp pháp. Chị T có yêu cầu ly hôn do chị T và anh C sống chung có mâu thuẫn, cả hai đã sống ly thân từ tháng 4/2019 và xác định hôn nhân không còn khả năng hàn gắn. Anh C biết rõ việc chị T có đơn xin ly hôn với anh và đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu của Tòa án nhiều lần đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Qua xác minh tình trạng hôn nhân của chị T và anh C thì hôn nhân giữa chị T và anh C có mâu thuẫn dù đã được gia đình hòa giải nhưng không hòa giải được. Từ đó có căn cứ kết luận tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T có yêu cầu ly hôn với anh C là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T ly hôn với anh C. Do chị T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn, anh C không có ý kiến nên không xem xét.

[5] *Về nuôi con chung:* chị T và anh C có con chung là Nguyễn Trọng N, sinh ngày 24/4/2017 đang sống chung với anh C và gia đình anh C được chăm sóc tốt; chị T đồng ý giao con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng nên giao con chung cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được ai cản trở. Chị T, anh C có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[6] *Về chia tài sản*: chị T trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, anh C không có ý kiến nên không xem xét.

[7] *Về án phí*: Chị T phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thu T. Cho chị Lê Thị Thu T ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Chị T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn, anh C không có ý kiến nên không xem xét.

2. *Về nuôi con chung*: anh C được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Trọng N, sinh ngày 24/4/2017. Chị T không cấp dưỡng nuôi con chung do anh C không yêu cầu.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được ai cản trở. Chị T, anh C có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về chia tài sản*: Chị T trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, anh C không có ý kiến nên không xem xét.

4. *Về án phí*: chị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo Biên lai số 0003203 ngày 06 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

5. Các đương sự vắng mặt nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Mỹ An;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Lan

